

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội.

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO2
2. Tên giao dịch: Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO2.
3. Mã Chứng khoán: VE2
4. Địa chỉ trụ sở chính: Số 13 – Mai Hắc Đế – TP Vinh – Tỉnh Nghệ an
5. Điện thoại: 0383 842195 Fax: 0383 840 944
6. Website: <http://www.VNECO2.com.vn>
7. Sàn giao dịch: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2017 và báo cáo tài chính năm 2017 của công ty CPXD Điện VNECO2 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm Toán và tư vấn tài chính Quốc tế.

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO2 xin giải trình về việc chênh lệch giữa BCTC trước và sau kiểm toán chủ yếu do những nguyên nhân sau:

1. Về tài sản: Tổng tài sản giảm 17.741.947 đồng của BCTC chưa kiểm toán 2017 so với BCTC sau kiểm toán 2017.

- Tăng giảm khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu ngắn hạn khác là do phân loại lại các khoản phải thu trong kỳ.

- Tăng dự phòng phải thu ngắn hạn do trích lập thêm theo chuẩn mực kế toán.

- Giảm khoản thuế phải thu của nhà nước là do giảm lợi nhuận.

2. Về nguồn vốn: Tổng nguồn vốn giảm 17.741.947 đồng của BCTC chưa kiểm toán 2017 so với BCTC sau kiểm toán 2017.

- Giảm lợi nhuận do các yếu tố trên.

- Tăng giảm lợi nhuận chưa phân phối kỳ trước và kỳ này là do phân loại lại tiền nộp phạt thuế theo quyết định thanh tra thuế.

3. Về kết quả sản xuất kinh doanh: Kết quả kinh doanh giảm 27.921.733 đồng của BCTC chưa kiểm toán 2017 so với BCTC sau kiểm toán 2017.

- Tăng giảm giá vốn, chi phí quản lý và chi phí khác là do phân loại lại các khoản chi phí trong kỳ cho phù hợp với chuẩn mực kế toán

4. Về lưu chuyển tiền tệ.

- Phân loại lại giữa các khoản giữa chi tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh và tiền thu từ thanh lý tài sản, tiền thu từ góp vốn vào đơn vị khác và tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức được nhận.

Số liệu cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU THAY ĐỔI CHỦ YẾU	31/12/2017	31/12/2017	CHÊNH LỆCH
	CHƯA KIỂM TOÁN	ĐÃ KIỂM TOÁN	
A. Tài sản	31,571,026,118	31,553,284,171	(17,741,947)
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	(1,119,784,860)	(1,119,772,111)	12,749
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13,026,814,557	13,651,327,930	624,513,373
3. Phải thu ngắn hạn khác	5,176,716,350	4,506,479,337	(670,237,013)
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(901,897,194)	(916,897,194)	(15,000,000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý		45,723,730	45,723,730
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	90,785,347	88,030,561	(2,754,786)
B. Nguồn Vốn	31,571,026,118	31,553,284,171	(17,741,947)
1. Phải trả ngắn hạn khác	367,239,804	367,239,894	90
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1,077,791,083	1,060,049,046	(17,742,037)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	481,182,551	509,353,247	28,170,696
- LNST chưa phân phối kỳ này	596,608,532	550,695,799	(45,912,733)
C. Kết quả kinh doanh			
1. Giá vốn hàng bán	10,979,738,979	11,692,389,973	712,650,994
2. Doanh thu h.động tài chính	1,060,521,977	1,062,426,334	1,904,357
3. Chi phí tài chính	594,216,358	596,107,966	1,891,608
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,119,063,247	2,184,056,255	(935,006,992)
5. Chi phí khác	60,805,971	308,867,374	248,061,403
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22,397,135	24,617,212	2,220,077
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập dn (60=50-51-52)	596,608,532	568,695,799	(27,912,733)
D. Lưu chuyển tiền tệ			
1. Tiền chi trả lãi vay	(441,143,851)	(417,822,960)	23,320,891
2. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(2,177,883,066)	(4,327,478,436)	(2,149,595,370)
3. Tiền thu từ thanh lý, NB TSCĐ và các ts dài hạn khác	(724,290,510)	164,545,454	888,835,964
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1,480,444,800	1,480,444,800
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	507,020,000	264,013,715	(243,006,285)

Kính trình UBCN nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các nhà đầu tư biết.

Trân trọng.

Nơi nhận :

- Như trên.
- Lưu VNECO2

Công ty CP xây dựng điện VNECO2



NGUYỄN ĐẬU THẢO